

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

Số: 1797/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 18 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Công Thương áp dụng chung
tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục thủ tục hành chính đã chuẩn hóa về nội dung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 76/TTr-SCT ngày 05/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 16 thủ tục hành chính lĩnh vực Công Thương áp dụng chung tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Trong đó gồm 04 thủ tục hành chính ban hành mới, 06 thủ tục hành chính đã chuẩn hóa nội dung và 06 thủ tục hành chính bị thay thế (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế thủ tục hành chính lĩnh vực Công Thương tại Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc công bố bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại cấp huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Cà Mau, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Cục CT phía Nam - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh Cà Mau;
- Trung tâm CB-TH Cà Mau;
- NC (N);
- Lưu: VT. Tr 80/11.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG ÁP DỤNG
CHUNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**



theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
I	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	
1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công. - Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công. - Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương. - Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có). - Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa	
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu. - Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu. - Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí

		cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.
III	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu. - Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
4	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu thuốc lá.

2. Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa về nội dung

STT	SỐ HỒ SƠ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
I	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa		
1	TT-CMU-216740-TT	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá về sản xuất, kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
2	TT-CMU-216742-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí
3	TT-CMU-216745-TT	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm	

		thuốc lá	cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.
4	TT-CMU-216738-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	<p>- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.</p> <p>- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.</p> <p>- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.</p>
5	TT-CMU-216739-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
II Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng			
6	TT-CMU-216747-TT	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	<p>- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.</p> <p>- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.</p> <p>- Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu thuốc lá.</p>

3. Danh mục thủ tục hành chính bị thay thế

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa		
1	TT-CMU-216738-TT	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu đối với thương nhân kinh doanh	- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu. - Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
2	TT-CMU-216739-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu đối với thương nhân kinh doanh	- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá về sản xuất, kinh doanh thuốc lá.
3	TT-CMU-216740-TT	Cấp mới giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc Đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá	- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
4	TT-CMU-216742-TT	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc Đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá	- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.
5	TT-CMU-216745-TT	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc Đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá	

II		Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	
6	TT-CMU-216747-TT	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu. - Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu. - Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu thuốc lá.

4. Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực công thương áp dụng chung tại UBND cấp huyện

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Lĩnh vực
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Lưu thông hàng hóa
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Lưu thông hàng hóa
6	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Lưu thông hàng hóa
7	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Công nghiệp địa phương
8	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Công nghiệp tiêu dùng
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Công nghiệp tiêu dùng
10	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Công nghiệp tiêu dùng

PHẦN II
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG ÁP DỤNG CHUNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TỈNH CÀ MAU

1. Thủ tục: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1.1. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

Trường hợp qua kiểm tra nhận thấy hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, Thương nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

1.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

- Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá.

Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

- Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá.

- Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm).

- Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

1.8. Phí, lệ phí:

Thương nhân nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính.

a) Địa bàn thành phố, thị xã:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000đ/giấy/lần cấp.

b) Địa bàn huyện, xã:

- Phí thẩm định: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy phép: 100.000đ/giấy/lần cấp.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định.

- Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên.

- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá.

- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: UBND huyện (quận)⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính: ;
3. Điện thoại:..... Fax:..... ;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày. tháng.... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng .. năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị UBND huyện (quận)⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:⁽²⁾

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....⁽³⁾(ghi rõ tên thương nhân).....

xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phụ lục 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

UBND HUYỆN (QUẬN)... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-P , ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH)..... (2)

Căn cứ(1);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(4);

Theo đề nghị của Phòng(3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(4)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày.....tháng.....năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(5)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:
.....(6)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm..../.

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN).....

Nơi nhận:

- (4);
-(5);
- Lưu: VT, ... (7).

(2)

(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

(2): Ghi rõ tên huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) nơi thương nhân được phép kinh doanh.

(3): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi thương nhân được phép kinh doanh.

(4): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(6): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(7): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

2. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá

2.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, Thương nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

2.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp.

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2.8. Phí, lệ phí :

Thương nhân nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính.

a) Địa bàn thành phố, thị xã:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000đ/giấy/lần cấp.

b) Địa bàn huyện, xã:

- Phí thẩm định: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Lệ phí cấp giấy phép: 100.000đ/giấy/lần cấp

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 50 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá về sản xuất, kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 50

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẬP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: UBND huyện (quận).....

1. Tên thương nhân :

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp)... số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày.....
tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày.....
tháng.....năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

+ Tên:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán
lẻ sản phẩm thuốc lá số..... ngày..... tháng.....năm.....

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm
thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu
đã có)⁽¹⁾.....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND
huyện (quận) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm
thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để
doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng
nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh
doanh,.....)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:⁽²⁾

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm⁽³⁾

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....⁽³⁾

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁴⁾*(ghi rõ tên thương nhân)*..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

⁽⁴⁾: Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 51

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

UBND TỈNH, TP...(6)
UBND HUYỆN (QUẬN)...(7)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-P.....

....., ngày..... tháng:..... năm 20.....

GIẤY PHÉP

BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN)..... (7)

Căn cứ(2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(3)...ngày ... tháng ... nămdo (7).... cấp cho(4);

Căn cứ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (cấp sửa đổi, bổ sung lần) số...(3)...ngày ... tháng ... nămdo ..(7)... cấp cho(4) (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(4);

Theo đề nghị của(1),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số...(3)...như sau(5)

Điều 2. Các nội dung khác quy định khác tại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số(3) không thay đổi

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....(4) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
(QUẬN)..... (7)
(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (3);
-(8);
- Lưu: VT,(1).

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.
- (2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của huyện (quận).
- (3): Số giấy phép đã được cấp.
- (4): Tên thương nhân.

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá

3.1. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, Thương nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

3.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực. Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, tổ chức, cá nhân được cấp phép phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại;

b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

3.8. Lệ phí:

Thương nhân nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính.

a) Địa bàn thành phố, thị xã:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000đ/giấy/lần cấp.

b) Địa bàn huyện, xã:

- Phí thẩm định: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí cấp giấy phép: 100.000đ/giấy/lần cấp.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 56 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá về sản xuất, kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 56

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: UBND huyện (quận).....⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾.....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày.... tháng....năm....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....⁽¹⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do⁽²⁾.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

⁽²⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Phụ lục 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ **CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế-Hạ tầng/Phòng Kinh tế(1)

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ... ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị UBND huyện (quận)(1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:(3).....(ghi rõ

tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Phụ lục 57

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

UBND TỈNH, TP... (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
UBND HUYỆN (QUẬN)... (3) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-P..... , ngày..... tháng..... năm 20.....

**GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(Cấp lại lần thứ.....)**

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN)..... (3)

Căn cứ(2);

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Xét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày ... tháng năm của.....(5);

Theo đề nghị của Phòng(4),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1. Cho phép.....(5)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp đăng ký lần đầu ngày.....tháng.....năm.....đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng.....năm....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - + Tên:
 - + Địa chỉ:
 - + Điện thoại:..... Fax:.....;

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(6)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(7)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....(5) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép(9)...Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN (QUẬN)... (2)

(ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- (5);
-(6);
- Lưu: VT,(8).

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân được phép kinh doanh.
- (2): Ghi rõ Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của huyện (quận).
- (3): Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân được phép kinh doanh.
- (4): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi thương nhân được phép kinh doanh.
- (5): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (6): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (7): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân được phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (8): Tên cơ quan tiếp nhận, thẩm định trình cấp Giấy phép.

4. Thủ tục: Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

4.1. Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

Trường hợp qua thẩm định nhận thấy hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, Thương nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

4.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

4.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư 60/2014/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

- Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

- Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).

- Bản sao Giấy chứng nhận công bố hợp quy hoặc Giấy chứng nhận tiêu chuẩn các loại sản phẩm rượu của thương nhân dự kiến kinh doanh.

- Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ;

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

4.8. Lệ phí:

Thương nhân nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính.

* Đối với Tổ chức, Doanh nghiệp:

1. Địa bàn thành phố, thị xã:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Tổ chức, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000đ/giấy.

2. Địa bàn huyện, xã:

- Phí thẩm định: 600.000đ/Cty, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 100.000đ/giấy.

* Đối với Hộ kinh doanh, cá nhân:

1. Địa bàn thành phố, thị xã:

- Phí thẩm định: 400.000đ/Cty, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000đ/giấy.

2. Địa bàn huyện, xã:

- Phí thẩm định: 200.000đ/Cty, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 100.000đ/giấy.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu.

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định.

- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu.

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho.

- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố.

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 31

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Phòng⁽¹⁾

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:
.....⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽³⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:
.....⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽³⁾

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:

.....⁽⁴⁾(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số

60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

Phụ lục 32

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)

UBND TỈNH TP.....⁽¹⁾
UBND QUẬN(HUYỆN)..⁽²⁾
PHÒNG..⁽³⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: GP-.....

.... ngày tháng..... năm

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ

SẢN PHẨM RƯỢU

TRƯỞNG PHÒNG.....⁽³⁾

Căn cứ⁽⁹⁾,

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng.....năm.....của⁽⁴⁾;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....⁽⁴⁾

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày.....tháng.....năm, thay đổi lần thứ.....ngàytháng.....năm;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:

.....⁽⁵⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽⁶⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽⁵⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽⁶⁾

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:.....⁽⁷⁾

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

**(Chức danh, Họ và tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)**

Nơi nhận:

.....⁽⁴⁾;

.....⁽⁶⁾;

- Lưu: VT,.....⁽⁸⁾.

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên quận (huyện) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(3): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(4): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.

(5): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(6): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm rượu.

(7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

(8): Tên các tổ chức có liên quan.

(9): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.

5. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

5.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, Thương nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

5.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

5.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung.

- Bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp.

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

5.8. Lệ phí:

Thương nhân nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính.

* Đối với Tổ chức, Doanh nghiệp:

1. Địa bàn thành phố, thị xã:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Tổ chức, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000đ/giấy.

2. Địa bàn huyện, xã:

- Phí thẩm định: 600.000đ/Cty, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 100.000đ/giấy.

* Đối với Hộ kinh doanh, cá nhân:

1. Địa bàn thành phố, thị xã:

- Phí thẩm định: 400.000đ/Cty, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000đ/giấy.

2. Địa bàn huyện, xã:

- Phí thẩm định: 200.000đ/Cty, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 100.000đ/giấy.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 33 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 33

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây*):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾.... của⁽⁴⁾.... sản phẩm rượu có tên sau:⁽⁵⁾

Được phép tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố⁽⁶⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾
của⁽⁴⁾... sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽⁵⁾

Được phép tổ chức⁽²⁾... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố
.....⁽⁶⁾

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa
điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:....

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁷⁾...(ghi rõ tên doanh
nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số
60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định
chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của
pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng
Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép
đề kinh doanh.

⁽²⁾ Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka,
rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân
phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực
tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm
rượu.

⁽⁵⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép
để bán lẻ sản phẩm rượu.

⁽⁶⁾: Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố.

⁽⁷⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép
bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

Phụ lục 37

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

UBND TỈNH TP.....⁽¹⁾
UBND QUẬN(HUYỆN)..⁽²⁾
PHÒNG..⁽³⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: GP-.....

.... ngày tháng..... năm

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU
(Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ.....)

TRƯỞNG PHÒNG.....⁽³⁾

Căn cứ⁽⁴⁾;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số...⁽⁵⁾...ngày ... tháng.... nămdo ⁽³⁾..... cấp cho⁽⁶⁾;

Căn cứ Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (cấp sửa đổi, bổ sung lần)⁽⁵⁾ số...⁽⁵⁾...ngày ... tháng nămdo ..⁽³⁾... cấp cho⁽⁶⁾ (nếu đã có);

Xét Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của.....⁽⁶⁾;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, (bổ sung) Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số.....⁽⁵⁾ như sau.....⁽⁷⁾

Điều 2. Các nội dung khác quy định khác tại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số⁽⁵⁾ không thay đổi

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽⁶⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**(Chức danh, Họ và tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)**

Nơi nhận:

-.....⁽⁶⁾,

-.....⁽⁸⁾,

- Lưu: VT,....⁽⁸⁾.

Chú thích:

(1): Tên thành phố (tỉnh), nơi thương nhân xin cấp sửa đổi, bổ sung.

(2): Tên quận (huyện) nơi thương nhân xin cấp sửa đổi, bổ sung.

(3): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(4): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

(5): Ghi rõ Số Giấy phép đã được cấp.

(6): Tên thương nhân.

(7): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

(8): Tên các tổ chức có liên quan.

6. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

6.1. Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

6.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

6.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).

6.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND huyện.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (đối với trường hợp cấp lại do hỏng, mất, thời hạn của giấy phép sẽ giữ nguyên như giấy phép cũ).

6.8. Lệ phí (nếu có):

Thương nhân nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính.

* Đối với Tổ chức, Doanh nghiệp:

1. Địa bàn thành phố, thị xã:

- Phí thẩm định: 1.200.000đ/Tổ chức, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000đ/giấy.

2. Địa bàn huyện, xã:

- Phí thẩm định: 600.000đ/Cty, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 100.000đ/giấy.

* Đối với Hộ kinh doanh, cá nhân:

1. Địa bàn thành phố, thị xã:

- Phí thẩm định: 400.000đ/Cty, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 200.000đ/giấy.

2. Địa bàn huyện, xã:

- Phí thẩm định: 200.000đ/Cty, DN.

- Lệ phí cấp giấy phép: 100.000đ/giấy.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 34 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 34

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Phụ lục 40

*(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU

(Cấp lại lần thứ.....)

TRƯỞNG PHÒNG.....(3)

Căn cứ⁽⁹⁾;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu số.....ngày ... tháng năm của.....⁽⁴⁾;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép.....⁽⁴⁾

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

1. Được phép mua:

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽⁵⁾ của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽⁶⁾

d) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽⁵⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽⁶⁾

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:.....⁽⁷⁾

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

.....⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.... tháng ... năm...../.

**(Chức danh, Họ và tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)**

Nơi nhận:

.....⁽⁴⁾;

.....⁽⁶⁾;

- Lưu: VT,....⁽⁸⁾.

Chú thích:

- 1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ tên quận (huyện) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (3): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (4): Tên thương nhân được cấp Giấy phép.
- (5): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (6): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm rượu.
- (7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.
- (8): Tên các tổ chức có liên quan.
- (9): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.

7. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

7.1. Trình tự thực hiện:

Người đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn chuẩn bị hồ sơ gửi tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện và giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), thời gian cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút;
- Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.
- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng (cơ quan thường trực Hội đồng bình chọn cấp huyện).

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng bình chọn cấp huyện có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả.

7.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

7.3. Thành phần hồ sơ:

7.3.1. Thành phần hồ sơ gồm:

Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Mẫu số 01).
- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn (Mẫu số 02).
- 03 ảnh của sản phẩm, kích thước (9x12)cm.
- Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014.

7.3.2. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hội đồng bình chọn cấp huyện (Phòng kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện).

7.7. Phí, Lệ phí: Không có.

7.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Quy định tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014.

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (phụ lục 01).

- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn (phụ lục 02).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đáp ứng các quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Thông tư số 26/2014/TT-BCT, cụ thể:

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm).

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn.

- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

- + Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất.
- + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường.
- + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ.

+ Tiêu chí khác.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

- Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

- Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Fax:..... Email:.....

Người đại diện:.....; Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số: Ngày cấp;.....

Ngành nghề kinh doanh (tóm tắt ngành nghề chính có liên quan):
.....

Địa điểm sản xuất:

Vốn đăng ký kinh doanh (nếu có) :.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (đối với doanh nghiệp):.....

Tổng số lao động bình quân/năm:

Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

Tên sản phẩm tham gia bình chọn:

Mô tả tóm tắt về sản phẩm:

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên sản phẩm:

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:.....; Chức vụ:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Email:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG CHÍNH

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:.....

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Về sản xuất, kinh doanh

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):.....

- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:.....

- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....

- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn:.....
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác:.....
-
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:.....

1.2. Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....
-
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):
-

2. Lao động, bảo vệ môi trường

2.1. Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng:.....
- Chất lượng lao động đang sử dụng:.....
- Thu nhập bình quân:..... VND/người/tháng

2.2. Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....
-
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....
-
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....
-

4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:.....
-
- Các giải thưởng, bằng khen, đã đạt được:.....
-
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....
-

- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....

.....

- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

.....

III. TỰ NHẬN XÉT

.....

.....

.....


.....

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(ký tên và đóng dấu)

**MẪU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG
THÔN TIÊU BIỂU CẤP HUYỆN**

1. Mẫu số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP HUYỆN - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM:

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:

ĐỊA CHỈ:

..... ngày..... tháng..... năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số:/QĐ-UBND, ngày/...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....

PHỤ LỤC 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM
CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NĂM 20.....**

TT	Tên sản phẩm	Tên doanh nghiệp, Cơ sở	Địa chỉ, ĐT liên hệ	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
....				

....., ngày tháng năm

CHỦ TỊCH

(ký tên và đóng dấu)

8. Thủ tục: Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

8.1. Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng) xem xét và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

8.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

8.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

+ Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Bàn liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

8.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Phụ lục 13 (Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

8.8. Lệ phí (nếu có):

Theo Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính.

Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

Lệ phí: 200.000 đồng/giấy/lần.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 10 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.

- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu thuốc lá.

Phụ lục 10

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng UBND Quận (Huyện).... Tỉnh (Thành phố)...⁽¹⁾

.....⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(ký tên, đóng dấu)**

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

Phụ lục 54

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

**UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
UBND QUẬN, HUYỆN
PHÒNG.....⁽¹⁾**

Số: GP-.....⁽⁷⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.... ngày tháng..... năm

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG
NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH
TRƯỞNG PHÒNG⁽¹⁾**

Căn cứ⁽²⁾,

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét đề nghị tại đơn xin cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh ngày.....tháng.....năm..... của⁽³⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

Cho phép.....⁽³⁾

Trụ sở giao dịch....., điện thoại....., Fax.....;

Địa điểm sản xuất:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được phép sản xuất rượu thủ công các loại nhằm mục đích kinh doanh:.....⁽⁴⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁵⁾

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽³⁾ phải thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng ... năm...../.

**(Chức danh, Họ và tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)**

Nơi nhận:

-⁽³⁾;
-⁽⁶⁾;
- Lưu: VT,.....⁽⁸⁾.

Chú thích:

- (1): Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (2): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- (3): Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
- (4): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (5): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).
- (6): Tên các tổ chức liên quan.
- (7): Ký hiệu viết tắt của Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (8): Bộ phận cấp phép.

9. Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

9.1. Trình tự thực hiện: Gồm 02 bước:

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng) xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

9.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

9.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung.

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

9.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...) Phụ lục 15 (Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

9.8. Lệ phí (nếu có):

Theo Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính

Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần

Lệ phí: 200.000 đồng/giấy/lần

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 11 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014).

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.
- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu thuốc lá.

Phụ lục 11

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...⁽¹⁾

.....⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do phải cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG
NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH
(Cấp sửa đổi bổ sung lần thứ...)**

TRƯỞNG PHÒNG(1)

Căn cứ⁽²⁾;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số... do ... cấp ngày... tháng... năm...;⁽⁷⁾

Xét đề nghị tại Đơn đề nghị cấp sửa đổi bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh ngày.....tháng....năm..... của.....⁽³⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi (bổ sung)⁽⁸⁾ Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp số...⁽⁷⁾ như sau: ..⁽⁴⁾⁽⁵⁾⁽⁹⁾

Điều 2. Giấy phép này là một phần không thể tách rời của Giấy phép số.... do ... cấp ngày....tháng ... năm.....⁽⁷⁾

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽³⁾ phải thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng ... năm...../.

(Chức danh, Họ và tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)

Nơi nhận:

-⁽³⁾,
-⁽⁶⁾,
- Lưu: VT,....⁽¹¹⁾.

Chú thích:

- (1): Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (2): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- (3): Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
- (4): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (5): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).
- (6): Tên các tổ chức liên quan.
- (7): Số, ngày, tháng năm và nơi cấp của Giấy phép cũ
- (8): Nếu là cấp sửa đổi thì ghi “sửa đổi”. Nếu trường hợp cấp bổ sung thì ghi “bổ sung”.
- (9): Nội dung sửa đổi, bổ sung khác.
- (10): Ký hiệu viết tắt của Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (11): Bộ phận cấp phép.

10. Thủ tục: Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

10.1. Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng) xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

10.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

10.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

- Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại.

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

10.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, hết thời hạn hiệu lực; Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy..

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và hạ tầng thuộc UBND cấp huyện

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (cấp lại lần thứ...). Phụ lục 14 (Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

10.8. Phí, lệ phí:

Theo Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính

Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần

Lệ phí: 200.000 đồng/giấy/lần

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục số 12 kèm theo Thông tư 60/2014/TT-BCT).

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.
- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu thuốc lá.

Phụ lục 12

*(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...⁽¹⁾
.....⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công
nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất
rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công
các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định
tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và
Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương
quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu
hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ :Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công
Thương).

⁽²⁾ : Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾ : Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾ : Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự
kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾ : Lý do phải cấp lại Giấy phép.

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
UBND QUẬN, HUYỆN
PHÒNG.....⁽¹⁾

Số: GP-.....⁽⁷⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.... ngày tháng..... năm

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG
NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH
(Cấp lại lần thứ...)**

TRƯỞNG PHÒNG(1)

Căn cứ.....⁽²⁾;

Căn cứ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Xét đề nghị tại Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh ngày.....tháng.....năm..... của⁽³⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

Cho phép.....⁽³⁾

Trụ sở giao dịch....., điện thoại....., Fax.....;

Địa điểm sản xuất:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do cấp ngày..... tháng..... năm....

Được phép sản xuất rượu thủ công các loại nhằm mục đích kinh doanh:.....⁽⁴⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁵⁾

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽³⁾ phải thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng ... năm... ./.

**(Chức danh, Họ và tên người ký,
chữ ký và có đóng dấu)**

Nơi nhận:

-⁽³⁾;
-⁽⁶⁾;
- Lưu: VT,....⁽⁸⁾.

Chú thích:

- (1): Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (2): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- (3): Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
- (4): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (5): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).
- (6): Tên các tổ chức liên quan.
- (7): Ký hiệu viết tắt của Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (8): Bộ phận cấp phép.